

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và Quyết định 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4155/SXD-HĐXD ngày 08/7/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn; Tờ trình số 2074/TTr-UBND ngày 02/6/2020 của UBND thành phố Sầm Sơn (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn với các nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn..
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp III.
- 3. Chủ đầu tư:** UBND thành phố sầm Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty cổ phần Việt Thanh.

6. Lý do và nội dung điều chỉnh:

6.1. Lý do điều chỉnh

Thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại 3817/UBND-CN ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn.

6.2. Nội dung điều chỉnh

a) Cắt giảm không đầu tư đoạn tuyến từ Km2+171,74 - Km2+921,35 (đoạn từ đường Nguyễn Hồng Lễ đến đường Hai Bà Trưng) để đưa vào dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn đầu tư theo hình thức PPP, Hợp đồng BT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời do hạng mục cấp điện trên đoạn này bị cắt, nên bổ sung 200m cấp đấu nối từ dự án Quảng trường biển cấp nguồn phục vụ cho đoạn này.

b) Điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang đoạn Km1+760,00 - Km2+171,74 đường Nguyễn Du từ Bn=22m thành Bn=18m (giữ nguyên chiều rộng mặt đường Bm=12m, điều chỉnh chiều rộng vỉa hè từ B_{hè}=2x5m thành B_{hè}=2x3m).

c) Điều chỉnh giải pháp thiết kế một số hạng mục công trình, gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- Điều chỉnh hướng thoát nước dọc và vị trí cống xả ngang đường: Do các dự án dọc hai bên tuyến đang triển khai xây dựng, và đoạn từ Km2+171,74 - Km2+921,35 cắt giảm nên đã làm hướng thoát nước trên tuyến thay đổi. Các hộp kỹ thuật và cống chờ tại nút giao không còn phù hợp nên cắt giảm, đoạn từ Km3+300 - Km3+600 đã thi công nên giữ nguyên, gồm:

+ Cắt giảm cống thoát nước: Cắt 12 cống hộp kỹ thuật KĐ=1,5m tại Km1+792,0m; Km1+831,0m; Km2+144,5m; Km2+201,89m; Km2+515,0m; Km2+656,74m; Km2+892,0m; Km2+961,0m; Km3+747,5m; Km4+569,9m; Km4+647,4m; Km5+65,7m. Cắt giảm 12 cống bản KĐ=1,5m tại Km1+797,92m; Km1+825,0m; Km2+150,5m; Km2+194,50m; Km2+524,5m; Km2+647,74m; Km2+897,0m; Km2+955,0m; Km3+734,5m; Km4+575,9m; Km4+638,2m; cống tròn Đ=1,5m tại Km5+71,7m.

+ Giữ nguyên các hộp kỹ thuật và cống đã thi công: Giữ nguyên 03 hộp kỹ thuật KĐ=1,5m tại Km3+349,2m; Km3+421,4m; Km3+559,0m và 3 cống bản KĐ=1,5m tại Km3+355,2m; Km3+413,4m; Km3+567,0m.

+ Bổ sung 02 rãnh chịu lực KĐ=0,6m tại Km4+638,2m và Km4+669,5m; hai đầu rãnh có hố thu để kết nối rãnh tuyến chính với rãnh trên đường Đông Tây 2 mới thi công.

+ Dốc dọc đáy rãnh đoạn Km1+600 - Km2+158,19 trái và phải tuyến theo thiết kế được duyệt, dốc dọc đáy rãnh đổ về cuối tuyến là 0,1%, điều chỉnh dốc dọc rãnh đổ ngược về hệ thống rãnh dọc thuộc phạm vi đường Lê Thánh Tông với độ dốc 0,1% để xả ra hệ thống rãnh trên đường Lê Thánh Tông phải tuyến

chính. Vì vậy, bổ sung thêm 4 đoạn rãnh chịu lực và các hố thu để thu nước và kết nối hệ thống thoát nước.

+ Trên đoạn đường ngang Lê Thánh Tông, tuyến rãnh thoát nước phía Bắc chạy dưới lòng đường sát bó vỉa: Điều chỉnh tim tuyến rãnh thoát nước dịch về phía tim đường 1,2m so với thiết kế và bổ sung các hố thu bố trí sát mép bó vỉa sau đó chảy vào rãnh bằng 2 ống PVC D200.

+ Trên đoạn đường ngang Tây Sơn: Cắt giảm rãnh thoát nước dọc bằng bê tông B500 trên vỉa hè, tận dụng hệ thống công tròn D800 hiện có, xây mới vị trí hố ga và rãnh dẫn thoát nước mặt đường.

+ Dốc dọc đáy rãnh đoạn Km4+00-Km4+400 trái và phải tuyến theo hồ sơ thiết kế được duyệt, dốc dọc đáy rãnh đổ về công bản KĐ=1,5m Km4+698,7 là 0,1%, điều chỉnh dốc dọc rãnh đổ ngược về hệ thống rãnh dọc thuộc phạm vi đường ngang Hoàng Hoa Thám với độ dốc 0,1% để chảy ra hệ thống kênh mương xây. Vì vậy, bổ sung 2 đoạn rãnh chịu lực giao qua tuyến chính tại Km3+986.12 và Km3+994.82, kết nối hai phía đường Hoàng Hoa Thám với nhau. Trên đường ngang Hoàng Hoa Thám điều chỉnh bó vỉa bằng đá xẻ chuyển thành BTXM M150 để phù hợp với kiến trúc cảnh quan khu vực.

+ Điều chỉnh một số đoạn rãnh thường trên vỉa hè thành rãnh chịu lực nằm dưới lòng đường do bổ sung một số đường ngang vào khu dân cư và một số vị trí chưa kịp GPMB.

- Điều chỉnh vị trí một số nút giao và các đường cong có thiết kế siêu cao: Do điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của UBND tỉnh và kiến trúc cảnh quan khu vực có nhà dân hiện tại sống hai bên đường, nên tại nút giao và các đỉnh đường cong D9 Km1+816.88, D10 Km1+816.88, D14 Km3+654.52, D15 Km4+019.76 điều chỉnh siêu cao cho phù hợp với thực tế.

7. Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 159.894.000.000 đồng

(Một trăm năm chín tỷ, tám trăm chín mươi tư triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	60.750.000.000 đồng;
- Chi phí xây lắp:	83.077.516.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	720.900.000 đồng;
- Chi phí QLDA:	1.216.715.000 đồng;
- Chi phí TVĐTXD:	5.163.074.000 đồng;
- Chi phí khác:	6.020.975.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	2.945.000.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác của thành phố để đảm nhận tối thiểu 30% chi phí giải phóng mặt bằng.

9. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2016-2022

11. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 và số 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. UBND thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; UBND thành phố Sầm Sơn; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT,CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG NGUYỄN DU – THÀNH PHỐ SẦM SƠN - TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HẠNG MỤC	TMĐT DUYỆT THEO QĐ SỐ 408/QĐ-UBND NGÀY 29/01/2018 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH	TRONG ĐÓ				CHÊNH LỆCH
				DỰ TOÁN DUYỆT THEO QĐ SỐ 316/QĐ-UBND NGÀY 24/01/2017 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THEO QĐ SỐ 2055/QĐ-UBND NGÀY 29/5/2018 CỦA CHỦ TỊCH UBND TP SẦM SƠN	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỜNG NGANG	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THEO VĂN BẢN SỐ 3817/UBND-CN NGÀY 27/3/2020	
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8	9=4-3
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	28,728,800,000	60,750,000,000				60,750,000,000	32,021,200,000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	104,961,745,000	83,077,516,000	105,606,494,513	1,875,582,000	-456,266,000	-23,948,295,000	-21,884,229,000
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	77,000,000	720,900,000	720,900,000				643,900,000
IV	CHI PHÍ QLDA	1,485,810,000	1,216,715,000	1,507,722,454	24,178,000	-6,470,000	-308,715,000	-269,095,000
V	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	6,851,883,000	5,163,074,000	5,233,048,990	273,910,000	58,439,000	-318,763,000	-1,688,809,000
1	Chi phí khảo sát + TK bước lập DADT	1,191,296,863	1,221,778,275	1,122,200,000	69,096,863	13,126,000	17,355,412	30,481,412
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	800,000,000	526,204,000	526,204,000				-273,796,000
3	Chi phí thiết kế BVTC	2,348,879,877	1,384,129,987	1,096,195,413	177,748,814	47,449,000	62,736,760	-964,749,890
4	Thẩm tra TK BVTC	83,315,001	82,517,385	74,980,611		3,245,531	4,291,243	-797,616
5	Thẩm tra dự toán	80,870,917	80,192,951	72,868,481		3,154,107	4,170,363	-677,966
6	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu (xây lắp, tư vấn, phi tư vấn)	217,100,000	211,247,000	211,247,000				-5,853,000
7	Giám sát kỹ thuật - thi công	1,538,319,957	1,198,150,467	1,523,901,716	27,064,648	-7,242,000	-345,573,897	-340,169,490
8	Giám sát lắp đặt thiết bị		3,907,278	3,907,278				3,907,278

9	Chi phí lập hồ sơ, cầm cọc GPMB	300,000,000	216,439,000	300,000,000				-83,561,000
10	Giám sát, đánh giá dự án	292,100,000	238,507,491	301,544,491		-1,294,000	-61,743,000	-53,592,509
VI	CHI PHÍ KHÁC	1,233,319,000	6,020,975,000	6,429,078,383	78,926,000	-8,668,000	-478,361,000	4,787,656,000
1	Rà phá bom mìn	200,000,000	200,000,000	200,000,000				0
2	Bảo hiểm công trình	309,000,000	340,153,000	340,153,000				31,153,000
3	Chi phí hạng mục chung	78,225,800	4,091,191,841	4,504,259,781	75,023,280	-9,125,320	-478,965,900	4,012,966,041
4	Phí thẩm định Dự án đầu tư	21,092,921	22,154,921	19,200,000	1,892,921	457,000	605,000	1,062,000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC		1,014,690		1,014,690			1,014,690
6	Phí thẩm định dự toán		994,621		994,621			994,621
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	120,000,000	282,212,910	282,212,910				162,212,910
8	Chi phí kiểm toán	368,000,000	946,252,692	946,252,692				578,252,692
9	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	100,000,000	100,000,000	100,000,000				0
10	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KS-TK bước lập DADT	2,000,000	2,000,000	2,000,000				0
11	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KS-TK bước TK BVTC	3,000,000	3,000,000	3,000,000				0
12	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn GS	2,000,000	2,000,000	2,000,000				0
13	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	30,000,000	30,000,000	30,000,000				0
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	16,555,244,000	2,945,000,000	10,133,366,320				-13,610,244,000
	TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ	159,894,000,000	159,894,000,000	129,630,611,000	2,252,596,000	-412,965,000	35,695,866,000	379,000